TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 01-7-2019.
"V/v tranh chấp HNGĐ - Ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Hữu Hà;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Mai Hương;

2. Ông Phạm Phước Tâm;

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Trần Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 01 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 221/2019/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 4 năm 2019 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 64/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Mỹ L**, sinh năm 1997;
Địa chỉ: ấp 1, xã Phong M, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.
Bị đơn: Anh **Lê Hữu T**; sinh năm 1996;
Địa chỉ: ấp 6, xã Phong M, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/3/2019; biên bản không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa sơ thẩm chị Lê Thị Mỹ L là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Chị L và anh T kết hôn năm 2014, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc và có 01 con chung tên Lê Thị Cẩm T. Từ năm 2015, đời sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất đồng ý kiến và quan điểm sống. Anh T không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con nên chị L và con đã về nhà mẹ ruột của chị L để sống. Sau khi ly thân, chị L và anh T đã tiến hành hàn gắn tình cảm vợ chồng nhiều lần nhưng không thành.

Nhận thấy, hôn nhân không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh Lê Hữu T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Thị Cẩm T, sinh ngày 03/7/2015. Hiện nay, con chung đang sống với chị L. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn là anh Lê Hữu T đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia phiên hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Chị Lê Thị Mỹ L có đơn yêu cầu ly hôn với anh Lê Hữu T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là *"Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con"*.

Anh Lê Hữu T là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ: Ấp 6, xã Phong M, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Lê Hữu T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Lê Hữu T.

2. Về nội dung vụ án:

- **Về quan hệ hôn nhân**: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L, Hội đồng xét xử nhận định: Chị L và anh T chung sống vào năm 2014 và không có đăng ký kết hôn. Xét thấy, chị L và anh T có đầy đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật, đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2014 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng. Anh T đã nhận được các văn bản tố tụng, giấy triệu tập của Tòa án và biết được nội dung chị L yêu cầu xin ly hôn với anh T, nhưng không có ý kiến, không có mặt tại phiên tòa. Từ năm 2015 đến nay chị L, anh T đã sống ly thân. Sau khi ly thân, chị L, anh T có tiến hành hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Hiện nay, chị L đã có cuộc sống riêng và không ai còn quan tâm nhau. Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị L và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận chị L và anh T là vợ chồng.

- **Về con chung**: Chị L, anh T có 01 con chung tên Lê Thị Cẩm T, sinh ngày 03/7/2015. Hiện nay, con chung đang sống với chị L. Khi ly hôn chị L yêu cầu được quyền nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, từ khi sinh con cho đến nay con chung Lê Thị Cẩm T sống với chị L đã ổn định, được chăm sóc chu đáo, có sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Do đó, giao con chung tên Lê Thị Cẩm T, sinh ngày 03/7/2015 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không có yêu cầu.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án chị L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006520 ngày 08 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Mỹ L.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Lê Thị Mỹ L và anh Lê Hữu T là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị Lê Thị Mỹ L được tiếp tục nuôi con chung tên Lê Thị Cẩm T, sinh ngày 03/7/2015. Anh Lê Hữu T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Lê Thị Mỹ L không có yêu cầu.

Anh Lê Hữu T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Lê Thị Mỹ L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006520 ngày 08 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên tòa

Trần Hữu Hà